

GDP, MỘT CHỈ TIÊU CÒN NHIỀU ĐIỀU PHẢI HOÀN THIỆN

Bùi Trinh^(*), Dương Mạnh Hùng^(**)

I. Mở đầu

Lâu nay hầu hết các nhà kinh tế Việt Nam thường đánh đồng ý niệm tăng trưởng kinh tế với tăng trưởng GDP, điều này không hoàn toàn chính xác; có thể GDP tăng vọt nhờ vào thiên tai, lãng phí, tham nhũng, nhờ những công trình mà sau khi xây dựng người ta không biết phải dùng vào việc gì. Robert Kennedy đã từng nói “Trong GDP có cả ô nhiễm môi trường và quảng cáo thuốc lá... Nó tính cả những ổ khoá của cửa nhà chúng ta, và cả những nhà tù cho những ai phá khoá. Nó tăng cùng với việc sản xuất bom Napan, tên lửa và đầu đạn hạt nhân... Và nếu GDP bao gồm tất cả những thứ này, thì lại có rất nhiều thứ khác nó không tính tới như tình cảm của con người, vẻ đẹp của thi ca...”. Ngoài ra, GDP chỉ là một chỉ tiêu rất sơ cấp trong Hệ thống các tài khoản quốc gia của Liên hợp quốc (System of National Accounts - SNA). Hệ thống này đã được Việt Nam áp dụng từ năm 1992⁽¹⁾ thay cho hệ thống các bảng cân đối kinh tế quốc dân (Material Product System - MPS) được các nước xã hội chủ nghĩa áp dụng.

Thực ra từ trước đó (1989) vụ Hệ thống tài khoản quốc gia - Tổng cục Thống kê đã áp dụng theo SNA để tính toán các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp như GDP, GNI (Gross National Income), và NDI (National Disposable Income) và bảng I-O trong dự án VIE 88-032 với sự tài trợ của UNDP (cố vấn bởi tiến sỹ Vũ Quang Việt - chuyên gia SNA của Liên hợp quốc).

Có thể coi ý tưởng đánh giá thu nhập quốc gia bắt đầu được hình thành ngay từ thế kỷ 17. Năm 1665, William Petty và năm 1668 Gregory King đã đưa ra hai phương pháp đánh giá chỉ tiêu thu nhập quốc gia bằng tổng các thu nhập nhân tố hoặc bằng tổng chi tiêu cho nhu cầu sử dụng cuối cùng. Vào thế kỷ 18, các nhà kinh tế Pháp theo trường phái trọng nông đã làm giảm ý nghĩa khái niệm về thu nhập quốc gia do họ quan niệm chỉ có ngành nông nghiệp và các ngành khai thác trực tiếp nguồn lợi tự thiên nhiên mới là ngành sản xuất. Năm 1758, Quesnay - thành viên của trường phái này đã xây dựng “Biểu kinh tế” (tableau economique) mô tả mối quan hệ qua lại giữa các ngành kinh tế khác nhau trong nền kinh tế. Biểu kinh tế của Francois Quesnay được xem như tiền đề cho việc xây dựng và phát triển bảng I-O của thế kỷ XX⁽²⁾.

Adam Smith đã phê phán quan điểm của trường phái trọng nông khi họ quá đề cao vị trí của nông nghiệp. Ông này thừa nhận công nghiệp chế biến cũng là một ngành sản xuất; tuy nhiên Adam Smith và Karl Marx không thừa nhận dịch vụ là một ngành sản xuất, quan điểm này tồn tại và được thể hiện trong Hệ thống bảng cân đối vật chất (MPS), được áp dụng ở các nền kinh tế kế hoạch tập trung cho tới những thập kỷ 90 của thế kỷ XX.

Sau đó lý thuyết tổng quát của J.M.Keynes đưa ra nhằm giải thích hiện tượng khủng hoảng kinh tế thế giới vào những năm 30 của thế kỷ trước đã làm thay đổi quan điểm của các nhà kinh tế thời kỳ đó khi họ chỉ dùng chỉ tiêu thu nhập quốc gia

(*) Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia- Tổng cục Thống kê - MPI

(**) Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia - Tổng cục Thống kê - MPI.

như một chỉ tiêu duy nhất đánh giá của cải quốc gia. Dựa trên lý thuyết tổng quát của Keynes, các nhà kinh tế đã đưa ra mô hình thống kê giúp chính phủ các nước xây dựng và thực hiện chính sách vĩ mô nhằm phát triển và ổn định kinh tế. Năm 1941, giáo sư Wassily Leontief đã đưa ra mô hình I-O trong công trình “Cấu trúc của nền kinh tế Hoa Kỳ”. Lý thuyết tổng quát của Keynes và mô hình cân đối liên ngành (I-O) là tiền đề cho việc hình thành hệ thống SNA.

Năm 1953, Cơ quan Thống kê Liên hợp Quốc đã mời nhóm chuyên gia do Richard Stone đứng đầu để xây dựng hệ thống tài khoản quốc gia. Đây là hệ thống tài khoản quốc gia đầu tiên được ban hành bởi Liên hợp Quốc. Năm 1968, cơ quan Thống kê đã sửa đổi và bổ sung vào hệ thống các tài khoản quốc gia năm 1953 và hệ thống tài khoản quốc gia năm 1968 ra đời. Sau năm 1968, tình hình kinh tế phát triển nhanh, theo hướng áp dụng công nghệ mới đã làm thay đổi cơ cấu và bản chất của nền kinh tế, đòi hỏi cần sửa đổi tài khoản quốc gia năm 1968. Giữa những năm 1980, Liên hợp Quốc thành lập nhóm chuyên gia về tài khoản quốc gia với thành viên từ các tổ chức quốc tế: Cơ quan Thống kê Liên hợp Quốc (USND), Ủy ban thống kê châu Âu (EUROSTAT), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Tổ chức hợp tác và phát triển châu Âu (OECD) và các chuyên gia về tài khoản quốc gia của một số nước và kết quả là Hệ thống Tài khoản Quốc gia 1993 ra đời. SNA 1993 khi xuất bản đã được cam kết sử dụng bởi chữ ký của các tổ chức quốc tế lớn như UNDP, WB, IMF, OECD,... và nguyên thủ quốc gia của các nước.

II. Mối liên hệ giữa các tài khoản trong SNA và bảng SAM (ma trận hạch toán xã hội)

Phần này đưa ra mối liên hệ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế xã hội dựa trên ma trận hạch toán xã hội.

Trong SNA bao gồm các phân tổ như ngành kinh tế (ISIC), ngành sản phẩm (CPC) trong S.U.T và I-O. Các khu vực thể chế như khu vực hộ gia đình, khu vực tài chính, khu vực phi tài chính, khu vực Chính phủ và khu vực nước ngoài. Tuy nhiên tùy theo nghiên cứu có thể gộp vào hoặc chia ra thành những khu vực thể chế khác nhau, như trong nghiên cứu này chia ra khu vực hộ gia đình, khu vực doanh nghiệp (nhà nước, ngoài nhà nước và đầu tư nước ngoài), khu vực chính phủ và nước ngoài.

Ma trận hạch toán xã hội hoặc các mô hình mở rộng từ mô hình I-O khác là sự kết hợp giữa các loại phân tổ nhằm mô tả luồng chu chuyển sản phẩm và tiền tệ của một quốc gia. Ma trận hạch toán xã hội cũng như các tài khoản khác trong hệ thống tài khoản quốc gia đều có thể tính toán được các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như GDP, NDI và tiết kiệm; sau đây là mối liên hệ giữa các tài khoản và ma trận hạch toán xã hội:

Trong SNA 1993 bao gồm các tài khoản và các chỉ tiêu cân đối như sau:

- Tài khoản sản xuất
- Tài khoản tạo thu nhập

Hai tài khoản này được mô tả chi tiết bằng bảng Nguồn và Sử dụng (Supply and Use Tables) và bảng I-O; chỉ tiêu cân đối là GDP

- Tài khoản thu nhập và phân phối thu nhập

+ Ba tài khoản này cũng có thể được miêu tả bằng ma trận như ma trận hạch toán xã hội (SAM); các chỉ tiêu cân đối là tổng sản phẩm trong nước (GDP); thu nhập quốc gia (GNI); thu nhập quốc gia khả dụng (NDI) và để dành (Saving) của các khu vực thể chế.

+ $GDP =$ Tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình + Tiêu dùng cuối cùng của nhà nước + tích lũy tài sản + xuất khẩu -

nhập khẩu (phương pháp sử dụng cuối cùng) = tổng thu nhập của người lao động từ sản xuất + Tổng thặng dư sản xuất + tổng khấu hao tài sản cố định + tổng thuế gián thu và thuế sản xuất khác + thuế nhập khẩu - trợ cấp cho sản xuất (phương pháp phân phối) = Tổng giá trị sản xuất - tổng chi phí trung gian + thuế nhập khẩu (phương pháp sản xuất)
 + GNI = GDP + thu nhập từ sở hữu thuần
 + NDI = GNI + thu nhập từ chuyển nhượng hiện hành thuần
 + Để dành = NDI - tiêu dùng cuối cùng

Trong bảng S.U.T, bảng I-O và tài khoản sản xuất quan niệm đối tượng nào sử dụng là đối tượng tiêu dùng, trong tài khoản thu nhập và phân phối thu nhập quan niệm đối tượng nào chỉ ra là đối tượng tiêu dùng; trong các tài khoản của hệ thống tài khoản quốc gia điều này được bố trí hoàn toàn hợp lý, nhưng trong ma trận hạch toán xã hội xử lý vấn đề này là không dễ dàng cho những người lập bảng; có

2 vấn đề rất quan trọng khi mở rộng bảng I-O thành SAM mà hầu như các bảng SAM trước đây mắc phải đó là:

- Việc cần thiết phải chuyển bảng I-O từ dạng cạnh tranh (competitive import type) sang bảng I-O dạng phi cạnh tranh (non - competitive import type)

- Phải xử lý lại véc tơ tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình, chỉ bao gồm phần tiêu dùng mà hộ trực tiếp chi ra.

Quan điểm này là rất quan trọng trong việc đưa ra phương thức hướng dẫn trong quá trình lập bảng I-O.

Sau đây là một số chỉ tiêu vĩ mô như thu nhập khả dụng của một số khu vực thể chế, thu nhập quốc gia khả dụng (NDI), tiết kiệm của các khu vực thể chế (hộ gia đình, nhà nước, doanh nghiệp) và tiết kiệm từ nội bộ nền kinh tế được tính toán từ ma trận hạch toán xã hội (SAM).

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Hộ gia đình	Doanh nghiệp	Nhà nước	Cả nước (NDI)
Thu nhập khả dụng	557.752.488	146.300.668	120.739.714	824.792.870
Chi tiêu dùng cuối cùng	532.989.082		50.739.714	583.728.796
Để dành	24.763.406	146.300.668	70.000.000	241.064.074

(Kết quả tính toán từ ma trận hạch toán xã hội (SAM), được cập nhật bởi nhóm tư vấn chính sách - Bộ Tài chính).

Kết quả tính toán ở bảng trên cho thấy thu nhập quốc gia khả dụng chiếm khoảng 98,27% GDP, như vậy xấp xỉ 2% trong GDP phải chi trả cho bên ngoài, ngoài ra tổng để dành từ nội bộ nền kinh tế chiếm trong tích lũy tài sản vào khoảng 81,13% nguồn còn lại cho đầu tư là từ bên ngoài xấp xỉ 19%, đây phải chăng là một con số đáng báo động.

Chú thích

(1) Ngày 25/12/1992 Thủ tướng Chính phủ ra QĐ số 183/TTg về việc Việt Nam chính thức áp dụng SNA và tính chỉ tiêu Tổng

sản phẩm quốc nội (GDP) trên phạm vi cả nước thay cho MPS và chỉ tiêu thu nhập quốc dân đã thực hiện trong thời gian trước đây

(2) Chương 1 trong cuốn Hệ thống Tài khoản Quốc gia của Australia (cat.No.5216.0)

Tài liệu tham khảo

1. UN Hệ tài khoản quốc gia - SNA, 1993, Newyork, 1993

2. Dự án VIE/03/010, nhóm tư vấn chính sách (PAG) - Bộ Tài chính "Hội thảo về tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với nền kinh tế - tài chính Việt Nam). Hà Nội 10/4/2007 ■